

Số: 29/NQ-HĐND

Khánh Bình, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 20/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khánh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/ĐU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Xét Tờ trình số 63/TTr- UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã về thông qua Nghị quyết của HĐND xã về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030 và Báo cáo thẩm tra số 05/BC-HĐND ngày 08/12/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã;

Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, kỳ họp thứ Sáu đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua các nội dung Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Đến năm 2026

- Phát triển chuyển đổi số:

- + Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 92%.
- + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 96% .

- + Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 75% .
- + Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 75%.
- + Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 75%.
- + Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 95%.
- + Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thông suốt, liền mạch, hiệu quả đạt 100%.
- + Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh đạt 100%.
- + Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 65%.

- Kinh tế số:

- + Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 60%.
- + Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 35%.

- Xã hội số:

- + Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 62%.
- + Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 22%.
- + Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 35%.
- + Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử đạt 82%.

1.2. Đến năm 2030

- Phát triển chuyển đổi số:

- + Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 100%
- + Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.
- + Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.
- + Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.
- + Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.
- + Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 100%
- + Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến thông suốt, liền mạch, hiệu quả đạt 100%

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh đạt 100%.

+ Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 80%

- Kinh tế số:

+ Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 75%.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt 60%.

- Xã hội số:

+ Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 30%.

+ Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 50%.

+ Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử đạt 90%.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền; phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội; sự vào cuộc của Nhân dân

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa các cấp, các ngành; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu chuyển đổi số đến năm 2030.

- Cấp ủy đảng tăng cường sự lãnh đạo đối với thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 86-CTr/TU, ngày 19/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thông qua việc ban hành các kế hoạch cụ thể, trong đó phải xác định rõ và đưa chỉ tiêu về chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, kế hoạch đã ban hành. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, gương mẫu, đi đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân trong việc tổ chức thực hiện và hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chuyển đổi số.

- UBND xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền thông qua các hình thức tuyên truyền sinh động, hiệu quả; nhất là trên môi trường số, để các cơ quan, doanh

ng nghiệp, cán bộ đảng viên và Nhân dân nhận thức đầy đủ và tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện chuyển đổi số. Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của các ngành, địa phương.

2.2. Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số

- Tranh thủ tối đa các nguồn lực; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để đầu tư, xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông đầu tư phát triển hạ tầng băng thông rộng cố định, nâng cấp hạ tầng mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; khuyến khích các doanh nghiệp CNTT có đủ năng lực tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai những ứng dụng dịch vụ, nền tảng, giải pháp công nghệ mới để chuyển đổi số đối với các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về CNTT trong cơ quan nhà nước, để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; trong đó chú trọng về bảo đảm an toàn thông tin phục vụ cho các hệ thống thông tin dùng chung của xã.

2.3. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, hình thành chính quyền số để dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hoàn thiện hạ tầng CNTT để quản lý và phục vụ kết nối dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước một cách an toàn, ổn định và hiệu quả; đảm bảo hệ thống trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến giữa các cấp trong hệ thống chính trị.

- Cập nhật thông tin và đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin của xã với các CSDL của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia để trao đổi, chia sẻ dữ liệu và hỗ trợ phân tích ra quyết định của lãnh đạo.

- Số hóa tài liệu, dữ liệu của xã để phối hợp xây dựng kho dữ liệu lớn (Big Data) và Cổng dữ liệu mở của tỉnh; thực hiện cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan và với doanh nghiệp, người dân trên địa bàn.

2.4. Tập trung phát triển mạnh kinh tế số để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của các ngành, các sản phẩm, các doanh nghiệp và nền kinh tế của xã

- Tập trung cập nhật đầy đủ, kịp thời CSDL về tài nguyên môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, văn hóa, du lịch, quy hoạch, hạ tầng công nghiệp, hạ tầng thương mại trên Cổng dữ liệu mở (Open Data), giúp các doanh nghiệp định hướng, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh và kế hoạch chuyển đổi số để phát triển kinh tế số phù hợp, theo phương châm lấy doanh nghiệp làm trung tâm

và động lực để phát triển từ đó tạo điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.5. Phát triển xã hội số, góp phần xây dựng xã hội văn minh, hiện đại, tiên bộ, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

- Triển khai các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số qua nhiều kênh giao tiếp giúp người dân có thể lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu như sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, thông tin bất động sản, việc làm, các tiện ích của thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ để mang lại sự hài lòng cho người dân thông qua chuyển đổi số.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch, tổng rà soát và triển khai phương án đến năm 2030 đảm bảo được phủ hệ thống cáp quang.

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh phổ cập Internet và thiết bị điện tử; cung cấp thiết bị số giá rẻ để phổ cập chuyển đổi số đến toàn xã.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn.

2.6. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin trong thực hiện chuyển đổi số

- Tăng cường công tác tuyên truyền thông tin để nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin mạng cho cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số thực hiện các giải pháp trong công tác bảo đảm an toàn thông tin tạo niềm tin của người dân tham gia các hoạt động trên môi trường mạng từ đó thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Hai Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Thành viên UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử xã (thông báo);
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tiến